

**DANH SÁCH GIÁ ĐẤT KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TẠI CÁC KHU DÂN CƯ XEN DẮM TRÊN ĐỊA BÀN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND phường Nam Hồng Lĩnh)

TT	Số lô	Diện tích (m2)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Giá trị khởi điểm lô đất (đồng)	Ghi chú
I	Các lô đất xen dầm Nam Hồng cũ					
1	1	132,4	Đất ở	7.000.000	926.800.000	
2	2	116,1	Đất ở	8.050.000	934.605.000	Giáp 02 đường
II	Khu dân cư Nền Tế					
1	35	385,2	Đất ở	8.360.000	3.220.272.000	Giáp 02 đường
2	41	232,0	Đất ở	7.600.000	1.763.200.000	
3	42	232,0	Đất ở	7.600.000	1.763.200.000	
4	43	232,0	Đất ở	7.600.000	1.763.200.000	
5	45	232,0	Đất ở	7.600.000	1.763.200.000	
6	49	420,3	Đất ở	8.360.000	3.513.708.000	Giáp 02 đường
III	Khu dân cư Hồng Nguyệt					

TT	Số lô	Diện tích (m2)	Loại đất	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Giá trị khởi điểm lô đất (đồng)	Ghi chú
1	3	230,0	Đất ở	10.000.000	2.300.000.000	
2	4	207,6	Đất ở	11.500.000	2.387.400.000	Giáp 02 đường
3	7	230,0	Đất ở	10.000.000	2.300.000.000	
4	8	230,0	Đất ở	10.000.000	2.300.000.000	
5	9	263,3	Đất ở	10.000.000	2.633.000.000	
6	10	230,0	Đất ở	10.000.000	2.300.000.000	
II	Khu dân cư xen dăm thôn Thuận Trung					
1	L1	268,5	Đất ở	8.050.000	2.161.425.000	Bám 02 đường
2	L2	219,1	Đất ở	7.000.000	1.533.700.000	
3	L3	220,0	Đất ở	7.000.000	1.540.000.000	
4	L4	200,7	Đất ở	7.000.000	1.404.900.000	
5	L5	202,7	Đất ở	7.000.000	1.418.900.000	
6	L6	255,9	Đất ở	9.000.000	2.303.100.000	
7	L7	200,0	Đất ở	9.000.000	1.800.000.000	
8	L8	200,0	Đất ở	9.000.000	1.800.000.000	
Tổng cộng		5.139,8			43.830.610.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH